TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/**2024/DS - ST
Ngày 29- 3- 2024
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thành Thông
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Chiến Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 369/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST –DS ngày 13/3/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Phan Thị Huỳnh N, sinh năm 1992. Địa chỉ: số 971/3 ấp 3, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Bị đơn:

- Bà Trương Ngọc D, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 135/1F ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

- Ông Trương Đình B, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 135/1F ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà và bà Trương Ngọc D là bạn bè cùng làm chung tại Thế giới di động Bến Tre nên bà có cho bà Trương Ngọc D vay các lần như sau:

Lần 1: Ngày 03/01/2020 bà có cho bà Trương Ngọc D vay số tiền 350.000.000 đồng, khi hai bên giao nhận tiền thì có giấy mượn tiền và cam kết trả nợ kèm theo.

Lần 2: Ngày 03/01/2020 bà có cho bà Trương Ngọc D vay số tiền 270.000.000 đồng, khi hai bên giao nhận tiền thì có giấy mượn tiền và cam kết trả nợ kèm theo.

Lần 3: Ngày 13/01/2020 bà có cho bà Trương Ngọc D vay số tiền 110.000.000 đồng, khi hai bên giao nhận tiền thì có giấy mượn tiền và cam kết trả nợ kèm theo.

Tổng cộng 03 lần vay là 730.000.000 đồng, thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là 03 tháng, lãi suất vay do hai bên tự thỏa thuận. Khi đến hạn trả nợ thì bà Diễm nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện. Bà có đến nhà yêu cầu bà Diễm trả nợ thì gặp ông Trương Đình B là cha ruột của bà Diễm ông Trương Đình B đứng ra bảo lãnh cho bà Diễm trả cho bà số tiền 500.000.000 đồng, số tiền còn lại là 230.000.000 bà Diễm tự trả.

Ngày 25/4/2020 bà và ông Trương Đình B có ký kết hợp đồng bảo lãnh số 1365, quyển số 04/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/4/2020 tại Văn phòng công chứng Tín Hữu, địa chỉ số 46 Đường số 3, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre căn cứ vào hợp đồng bảo lãnh như sau:

Tại Điều 1 của hợp đồng với phạm vi bảo lãnh ông Trương Đình B đồng ý bảo lãnh cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ vay của bà Trương Ngọc D là 500.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Trương Ngọc D có trả nợ cho bà 02 lần với số tiền 20.000.000 đồng và sau đó không trả nợ tiếp. Bà nhiều lần đến nhà bà Diễm để yêu cầu bà Diễm và ông Bảo trả nợ nhưng không thực hiện.

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2023 bà yêu cầu bà Diễm, ông Bảo có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 480.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng, kể từ ngày 24/5/2020 đến ngày 25/10/2023 là 196.800.000 đồng. Đồng thời bà yêu cầu bà Diễm có trách nhiệm trả số tiền vay 230.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng, kể từ ngày 24/5/2020 đến ngày 25/10/2023 là 94.300.000 đồng.

Tại đơn xin rút yêu cầu khởi kiện ngày 31/01/2024 bà tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện bà Trương Ngọc D đối với yêu cầu bà Trương Ngọc D có trách nhiệm trả số tiền vay 230.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng, kể từ ngày 24/5/2020 đến ngày 25/10/2023 là 94.300.000 đồng, số tiền này hai bên tự thương lượng nếu không thương lượng được bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Tại phiên tòa bà Phan Thị Huỳnh N yêu cầu bà Trương Ngọc D có trách nhiệm giao trả cho bà số tiền vốn vay là 480.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng, kể từ ngày 24/5/2020 đến ngày 25/10/2023 là 196.800.000 đồng. Đồng thời bà Phan Thị Huỳnh N yêu cầu khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp bà Trương Ngọc D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà thì bà yêu cầu ông Trương Đình B thực hiện trách nhiệm của người bảo lãnh giao trả cho bà số tiền vốn vay là 480.000.000 đồng như hợp đồng bảo lãnh số 1365, quyển số 04/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/4/2020 tại Văn phòng công chứng Tín Hữu hai bên đã ký kết.

Bị đơn bà Trương Ngọc D và ông Trương Đình B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Trương Ngọc D và ông Trương Đình B vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bà Trương Ngọc D và ông Trương Đình B đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Trương Ngọc D và ông Trương Đình B vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trương Ngọc D và ông Trương Đình B

[3] Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị Huỳnh N yêu cầu bà Trương Ngọc D có trách nhiệm giao trả cho bà số tiền vay là 480.000.000 đồng, tiền lãi 196.800.000 đồng. Trong trường hợp bà Trương Ngọc D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà thì yêu cầu ông Trương Đình B thực hiện trách nhiệm của người bảo lãnh giao trả cho bà số tiền vay là 480.000.000 đồng như hợp đồng bảo lãnh số 1365, quyển số 04/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/4/2020 tại Văn

phòng công chứng Tín Hữu hai bên đã ký kết.

Bà Phan Thị Huỳnh N tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện bà Trương Ngọc D đối số tiền vay 230.000.000 đồng và tiền lãi là 94.300.000 đồng.

[3.1] Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là "*Hợp đồng bảo lãnh số 1365, quyển số 04/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/4/2020 tại Văn phòng công chứng Tín Hữu*". Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa với bà Trương Ngọc D và ông Trương Đình B đều vắng mặt nhưng bà Trương Ngọc D và ông Trương Đình B vẫn còn đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên; đã nhận được bản sao tài liệu chứng cứ là căn cứ khởi kiện nguyên đơn; Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Diễm, ông Bảo vẫn vắng mặt không có lý do; bà Diễm, ông Bảo cũng không có ý kiến phản đối gì đối với chứng cứ và yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Tuy nhiên căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số 1365, quyển số 04/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/4/2020 tại Văn phòng công chứng Tín Hữu đã được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó có căn cứ xác định bà Trương Ngọc D có vay của bà Phan Thị Huỳnh N số tiền 500.000.000 đồng. Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa bà Như với bà Diễm và hợp đồng bảo lãnh giữa bà Như với ông Bảo được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do bà Diễm vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Như nên bà Như yêu cầu bà Diễm có nghĩa vụ trả cho Như số tiền vốn vay 480.000.000 đồng đồng phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong trường hợp khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật trường hợp bà Trương Ngọc D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc số tiền 480.000.000 đồng cho bà Như thì buộc ông Trương Đình B thực hiện trách nhiệm của người bảo lãnh giao trả cho bà số tiền vay là 480.000.000 đồng như hợp đồng bảo lãnh số 1365, quyển số 04/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/4/2020 tại Văn phòng công chứng Tín Hữu hai bên đã ký kết là phù hợp.

[3.2] Xét yêu cầu của bà Phan Thị Huỳnh N về việc yêu cầu bà Trương Ngọc D có trách nhiệm giao trả cho bà số tiền lãi 480.000.000 đồng x 41 tháng x 1%/tháng (kể từ ngày 24/5/2020 đến ngày 25/10/2023) =196.800.000 đồng. Xét thấy: Do bà Diễm vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Như trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Như, mặt khác mức lãi suất và thời gian trả lãi phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Bà Phan Thị Huỳnh N tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện bà Trương

Ngọc D đối số tiền vay 230.000.000 đồng và tiền lãi là 94.300.000 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận Đình một phần khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 217, 218, 244 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Bà Trương Ngọc D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 20.000.000 đồng + 4% x 276.800.000 đồng = 31.072.000 đồng.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 463, Điều 466, 335, 336, 342, Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Huỳnh N.

Buộc bà Trương Ngọc D có trách nhiệm giao trả cho bà Phan Thị Huỳnh N số tiền 676.800.000 (Sáu trăm, bảy mươi sáu triệu, tám trăm nghìn) đồng (trong đó vốn vay là 480.000.000 đồng, nợ lãi 196.800.000 đồng).

Khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật trường hợp bà Trương Ngọc D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc số tiền 480.000.000 đồng cho bà Phan Thị Huỳnh N thì buộc ông Trương Đình B thực hiện trách nhiệm của người bảo lãnh phải có trách nhiệm giao trả cho bà Phan Thị Huỳnh N số tiền vay là 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Huỳnh N khởi kiện bà Trương Ngọc D đối với số tiền vay 230.000.000 đồng và tiền lãi là 94.300.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trương Ngọc D phải nộp 31.072.000 (Ba mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bà Phan Thị Huỳnh N được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 21.016.500 (Hai mươi mốt triệu, không tram mười sáu nghìn, năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0000872 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố Bến Tre;*
- *Chi cục T.H.A DS thành phố Bến Tre;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê